**TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG**
**TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

*Bản án số: 03/2019/DSST - TC*
*Ngày 26 tháng 6 năm 2019*
*(V/v: Tranh chấp quyền tưới tiêu nước trong canh tác)*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Đoàn Trung Phước**

***- Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Tẩn A Nao**; Bà **Nguyễn Thị Hải.**

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Ông **Phạm Khắc Huân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:**

Ông: **Nguyễn Hùng K** - Kiểm sát viên

Ngày 26/6/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2017/TLST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2017, về việc Tranh chấp quyền sử dụng mương nước trong canh tác, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST – DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: Anh Hảng A S, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

* Bị đơn:

- Ông Hảng Tả P, sinh năm 1946, địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền là anh Hảng Pàn G, sinh năm 1993, địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

- Anh Hảng A S, sinh năm 1981, địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Chí T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã (có đơn xin vắng mặt).

2. UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn K, chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền ông Giàng A S, chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã T (có mặt).

3. Bà Hảng Thị V, sinh năm 1938, địa chỉ bản S, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền cho bà V là anh Hảng A S, sinh năm 1979, địa chỉ bản S, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

4. Anh Giàng A T, sinh năm 1995, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

5. Ông Giàng A D, sinh năm 1968, địa chỉ bản S, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền cho ông D là chị Giàng Thị P, sinh năm 1989, địa chỉ bản G, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

6. Ông Giàng A P, sinh năm 1952, đị chỉ: bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền của ông P là anh Giàng A V, sinh năm 1997, địa chỉ: bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

7. Bà Lý Thị L, sinh năm 1974, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lan là anh Giàng A T, sinh năm 1997, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

8. Ông Giàng A L, sinh năm 1966, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền cho ông L là anh Giàng A N, sinh năm 1996, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

9. Chị Giàng Thị P, sinh năm 1989, địa chỉ bản G, xã G, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

10. Bà Sùng Thị T, sinh năm 1952, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền của bà T là chị Vàng Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

11. Bà Sùng Thị P, sinh năm 1964, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu Người đại diện theo ủy quyền của bà P là anh Giàng A T, sinh năm 1992, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

12. Anh Giàng A D, sinh năm 1973, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

13. Anh Giàng A D, sinh năm 1983, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

14 Ông Hảng A C, sinh năm 1971, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền cho ông C là anh Hảng A S, sinh năm 1995, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

15. Anh Hảng Páo C, sinh năm 1974, địa chỉ bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt).

16. Ông Thào Văn S, sinh năm 1958, địa chỉ bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt).

17. Ông Lương Văn M, sinh năm 1960, địa chỉ bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt).

18. Ông Lù Văn C, sinh năm 1960, địa chỉ bản bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo ủy quyền của ông C là anh Lù Văn T, sinh năm 1982, địa chỉ bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt).

19. Anh Lò Văn C, sinh năm 1984, địa chỉ bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có đơn xin vắng mặt).

20. Anh Lù Văn T, sinh năm 1980, địa chỉ bản L, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt).

*** Những người làm chứng:**

Người làm chứng 1: Ông Giàng A Da, sinh năm 1942. Địa chỉ: Bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

Người làm chứng 2: Ông Chang A C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

Người làm chứng 3: Ông Giàng A D, sinh năm 1946. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do )

Người làm chứng 4: Ông Giàng A K, sinh năm 1931. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

Người làm chứng 5: Ông Giàng A V, sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/7/2017, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Hảng A S trình bày: Năm 1961 nhân dân bản P, xã Tả L, cùng nhau đào con mương dẫn nước từ suối của bản L về bản L1 của xã S, thành phố L có chiều dài khoảng 1,6 km để tưới tiêu, sản suất, đến năm 1973 Hợp tác xã chia đất cho nhân dân sử dụng thì gia đình anh và các hộ có ruộng tại cánh đồng thuộc bản L, xã S, thành phố L gồm 21 hộ gia đình thuộc xã T, trong đó có hộ gia đình anh và một số hộ thuộc xã S để lấy nước canh tác. Trong số đó có hộ gia đình ông Hảng Tả P cùng nhau sử dụng con mương dẫn nước trên về ruộng cấy của các hộ gia đình không có ai ngăn cản và tranh chấp. Đến tháng 4/2017 gia đình ông Hảng Tả P và con trai là anh Hảng A S tự ý chặn con mương trên không cho nước cháy xuống ruộng nhà anh và các gia đình xung quanh nên không có nước để cấy lúa, các bên xảy ra tranh chấp, anh đã làm đơn đề nghị UBND xã T phản ánh việc ông P chặn mương không cho nước cháy xuống ruộng của anh, ruộng của bà con nhân dân bản P, xã T và bản L, xã S nhưng ông P yêu cầu các hộ gia đình phải trả cho ông P 300.000.000 đồng thì mới cho nước chảy xuống ruộng, anh và các hộ trong khu vực cần nước chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng nhưng ông P không đồng ý và có hành vi gây khó khăn, nay do ông P không cho nước chảy xuống ruộng nên không thể cấy lúa nên anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Hảng Tả Páo, anh Hảng A S khơi thông con mương cho gia đình anh có nước sử dụng. Biên bản ghi lời khai ngày 31/7/2017 anh S trình bày: Anh yêu cầu ông Hảng Tả P, anh Hảng A S phải khơi thông con mương có chiều dài 1,6 km chảy từ bản L về bản P để tưới tiêu cho ruộng của những người đang sử dụng đất thực tế gồm có ruộng của ông Hảng Tả P, anh Hảng A S, anh Hảng A S, ông Giàng A D, chị Giàng Thị P, anh Giàng A T, anh Giàng A V, anh Giàng A N, anh Giàng A T, chị Vàng Thị M, anh Giàng A T, anh Hảng A S, anh Hảng Páo C, anh Giàng A D, anh Giàng A D, anh Lò Văn C, anh Lù Văn T, anh Lù Văn T, anh Thào Văn H, ông Lương Văn M. Con mương có tổng chiều dài khoảng 1,6 km, chiều sâu khoảng 45 cm, rộng khoảng 55 cm có nguồn gốc hình thành là do cụ Hảng A S (bố đẻ bà Hảng Thị V), cụ Hảng A C là bố đẻ của ông Hảng Tả P khơi mương đầu tiên. Năm 1961 Hợp tác xã P được thành lập, nhân dân trong bản đã cùng nhau đào và khơi lại con mương, đến năm 1973 HTX giải thể, đất được chia cho các hộ gia đình trong bản sử dụng và một số hộ dân thuộc xã S cùng làm ruộng trong khu vực này, ông Hảng Tả P cũng sử dụng con mương này từ thời điểm đó, đến tháng 3, tháng 4 năm 2017 ông Hảng Tả P cùng con trai là anh Hảng A S tự ý chặn con mương không cho nước chảy xuống ruộng của anh và các hộ dân làm ruộng trong khu vực này, dẫn đến việc tất cả các hộ dân làm ruộng trong khu vực không có nước để canh tác. Ông P cho rằng con mương trên là

do bố ông để lại cho ông P nên ông được quyền sử dụng, những hộ nào có nhu cầu sử dụng nước từ con mương này phải trả tiền mua nước cho gia đình ông P, các hộ dân làm ruộng trong khu vực không đồng ý trả tiền nên xảy ra tranh chấp. Lời khai ngày 16/3/2018 anh Hảng A S khai: Toàn bộ diện tích đất đang sử dụng nước từ con mương có tổng diện tích khoảng 20 ha tại bản L, xã S, thành phố L do các hộ dân thuộc xã T và một số hộ dân xã S canh tác, từ năm 2017 do không có nước để sản xuất nên một số hộ đã chuyển sang trồng ngô, phần lớn diện tích đất còn lại do không có nước để trồng lúa nên đất phải bỏ hang, đa số các hộ dân sử dụng đất trong khu vực sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, việc không có nước để sản xuất ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các hộ dân. Ngoài con mương này thì không còn nguồn nước nào khác để các hộ dân lấy nước tưới cho ruộng, chỉ phụ thuộc vào nguồn nước mưa để canh tác.

Nay anh yêu cầu Tòa án buộc ông Hảng Tả P, anh Hảng A S chấm dứt việc chặn con mương nước chung và để gia đình anh và các hộ có nhu cầu sử dụng nước tưới cho ruộng được sử dụng nước từ con mương này trong canh tác.

Đến ngày 23/5/2018 anh Hảng A S làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với toàn bộ con mương đang có tranh chấp. Ngày 04/6/2018 anh S làm đơn yêu cầu định giá tài sản đối với khối lượng đào, đắp của con mương đang có tranh chấp và nộp tiền tạm thu chi phí tố tụng với số tiền 700.000 đồng.

Biên bản ghi lời khai các ngày 10/8/2018, bị đơn Hảng Tả P, người đại diện theo ủy quyền Hảng Pàn G, trình bày: Nguồn gốc con mương đang có tranh chấp với anh Hảng A S và các hộ dân đang làm ruộng trong khu vực là do ông nội ông khai thông, sử dụng qua nhiều đời, ông nội ông chết để lại cho bố ông là Hảng A C sử dụng, sau khi bố ông chết đã để lại cho ông sử dụng cho đến nay. Con mương được Hợp tác xã P sử dụng từ năm 1961 đến năm 1973, sau khi HTX giải thể, ruộng của gia đình nào thì gia đình đó canh tác, ông vẫn để các hộ gia đình có ruộng trong khu vực sử dụng. Trước đây khi con mương bị sạt lở, các hộ gia đình đã cùng nhau đi khơi lại, từ năm 2017 gia đình ông không cho các hộ có ruộng trong khu vực sử dụng nước từ con mương này nữa mà chỉ có gia đình ông và một số ít hộ được quyền sử dụng. Trước đây ông có nhận của ông Lương Văn M số tiền 1.000.000 đồng để cho ông M được lấy nước từ con mương. Biên bản hòa giải ngày 22/5/2018 anh Hảng Pàn G người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hảng Tả P trình bày: Con mương là do ông nội anh khai phá, để lại cho bố anh là ông Hảng Tả P sử dụng, từ trước đến nay bố anh vẫn cho các hộ trong khu vực lấy nước từ con mương, nhưng thời gian gần đây do mưa nhiều, sạt lở con mương bố anh đã yêu cầu các hộ sử dụng nước từ con mương đi khơi lại mương và nộp tiền làm lý để con mương không bị sạt lở nữa nhưng không ai đi khơi cũng không ai nộp tiền làm lý, con mương có chiều rộng khoảng 30 cm, chiều sâu khoảng 30 cm, hang năm gia đình ông đều nạo vét mới hình thành được con mương như hiện nay. Mưa nhiều đất, đá tràn hết vào ruộng của bố anh làm cây lúa bị hư hỏng nên từ tháng 3 năm 2017 gia đình anh đã không cho các hộ trong khu vực lấy nước từ con mương này nữa, hộ nào có nhu cầu sử dụng nước từ con mương thì phải đóng tiền cho bố anh. Nay anh yêu cầu các hộ sử dụng nước trong khu vực phải có nghĩa vụ trả cho bố anh tổng số tiền 600.000.000 đồng mới cho các hộ sử dụng nước từ con mương này.

Biên bản hòa giải ngày 22/5/2018, biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2018 bị đơn Hảng A S trình bày: Anh là con đẻ của ông Hảng Tả P, có hai thửa ruộng do bố đẻ là ông Hảng Tả P cho trong khu vực này, anh không có chứng cứ chứng minh con mương nói trên thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình anh, con mương này không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên con mương được hình thành là do ông nội anh là Hảng A C sử dụng từ trước, để lại cho bố anh sử dụng, theo phong tục, tập quán của người dân tộc Mông thì đất ai sử dụng trước thì là đất của người đó, con mương là của ông nội anh để lại nên bố con anh được quyền sử dụng. Do trời mưa to các hộ gia đình sử dụng nước từ con mương này không chịu đi khai thông, đắp lại mương làm nước chảy mạnh, đất đá trôi hết vào ruộng gia đình anh, làm hỏng cây lúa nên anh và bố anh là ông P đã không cho những hộ này lấy nước từ con mương nữa. Nay anh đồng ý với ý kiến của anh Hảng Pàn G là người đại diện theo ủy quyền của ông Hảng Tả P yêu cầu các hộ sử dụng nước từ con mương phải trả cho gia đình anh số tiền 600.000.000 đồng. Do ông trước đó ông P đã nhận của ông Lương Văn M số tiền 1.000.000 đồng nên nay tiếp tục cho ông M sử dụng nước từ con mương.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trong các biên bản ghi lời khai, các lần hòa giải và tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, trong đó có những người người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ủy quyền cho những người đang sử dụng đất thực tế và những người sử dụng đất đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Bà Hảng Thị V, người đại diện theo ủy quyền là anh Hảng A S, anh Giàng A T, ông Giàng A D, người đại diện theo ủy quyền là chị Giàng Thị P, ông Giàng A P, người đại diện theo ủy quyền là anh Giàng A V, bà Lý Thị L, người đại diện theo ủy quyền là anh Giàng A T, ông Giàng A L, người đại diện theo ủy quyền là anh Giàng A N, chị Giàng Thị P, bà Sùng Thị T, người đại diện theo ủy quyền là chị Vàng Thị M, bà Sùng Thị P, người đại diện theo ủy quyền là anh Giàng A T, ông Giàng A D, anh Giàng A D, ông Hảng A C, người đại diện theo ủy quyền là anh Hảng A S, ông Hảng Páo C, ông Thào Văn S, ông Lương Văn M, ông Lù Văn C, người đại diện theo ủy quyền là anh Lù Văn T, anh Lò Văn C, anh Lù Văn T đều thống nhất trình bày: Gia đình các ông, bà, anh , chị đều là những hộ gia đình có đất ruộng cấy tại bản L, xã S, thành phố L và đều đang sử dụng nước từ con mương đang có tranh chấp để làm nước tưới cho diện tích đất ruộng cấy nhà mình. Từ năm 2017 trở về trước tất cả các hộ trong khu vực này vẫn sử dụng con mương này để lấy nước vào ruộng cấy của từng hộ mà không có tranh chấp với ai, đến tháng 3 năm 2017 ông Hảng Tả P cùng con trai là anh Hảng A S tự ý chặn con mương, không cho nước chảy vào khu vực này để làm nước tưới cho ruộng lúa của tất cả các hộ gia đình đang canh tác, dẫn đến việc tất cả các hộ trong khu vực không có nước để sản xuất, một số hộ đã phải chuyển sang trồng ngô trên diện tích ruộng lúa của mình. Sau khi làm đơn đề nghị UBND xã T giải quyết yêu cầu ông Hảng Tả P và anh Hảng A S không được có hành vi chặn con mương để đảm bảo nguồn nước tưới ruộng cho các hộ trong khu vực, UBND xã T đã tiến hành làm việc nhiều lần nhưng ông P và anh S vẫn không đồng ý để các hộ gia đình sử dụng nguồn nước từ con mương này, các hộ gia đình đã thống nhất cử anh Hảng A S làm đại diện cho tất cả những hộ gia đình có đất ruộng trong khu vực khởi kiện tại Tòa án.

Về nguồn gốc hình thành con mương: Đa số các hộ có ruộng tại khu vực đang sử dụng nước của con mương này đều không biết về nguồn gốc hình thành con mương vì phần lớn trong số các hộ gia đình này là những người trẻ tuổi, đang sử dụng đất của bố mẹ để lại. Một số ít người như anh Giàng A T, bà Hảng Thị V biết nguồn gốc của con mương là do bố bà là cụ Hảng A S và bố đẻ của ông Hảng Tả P là cụ Hảng A C khai phá và sử dụng làm nguồn nước tưới cho ruộng nhà mình. Đến khi Hợp tác xã P thành lập thì từ năm 1961 con mương nay do Hợp tác xã quản lý, sử dụng để lấy nước tưới cho ruộng của HTX, đến năm 1973 HTX P giải thể, đất được chia lại cho các hộ gia đình sử dụng, canh tác và vẫn lấy nguồn nước từ con mương này từ đó cho đến tháng 3/2017.

Quá trình sử dụng mương nước, có một số hộ đã cùng ông Hảng Tả P đi nạo vét, khơi mương những khi mương nước bị tắc, một số hộ không đi nạo vét dẫn đến việc đất đá tràn vào ruộng của ông Hảng Tả P, tuy nhiên việc ông P cho rằng con mương do bố ông khai phá nên ông có quyền sử dụng, việc ông P thích cho ai sử dụng mương nước là quyền của ông P thì không ai chấp nhận vì cho rằng quyền được sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp được pháp luật quy định, tất cả các hộ có ruộng trong khu vực đều có quyền sử dụng nước từ con mương này để làm nước tưới cho ruộng của mình. Ông Hảng Tả P và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu các hộ gia đình có nhu cầu sử dụng nước tưới cho ruộng phải trả cho ông số tiền lúc đầu là 300.000.000 đồng, sau tăng lên là 500.000.000 và cuối cùng là 600.000.000 đồng tất cả các hộ gia đình đang sử dụng con mước đang tranh chấp đều không đồng ý.

Nay những hộ gia đình có đất ruộng trong khu vực cấp nước của con mương yêu cầu Tòa án buộc ông Hảng Tả P, anh Hảng A S chấm dứt việc chặn con mương và để các hộ có nhu cầu sử dụng nước tưới cho ruộng được sử dụng nước từ con mương này để canh tác.

Các lần hòa giải và tại phiên tòa đại diện UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu ông Hoàng Chí T - Chủ tịch trình bày: Con mương dẫn nước đang có tranh chấp có chiều dài 1.175 mét , theo sơ đồ địa chính của UBND xã T, huyện T thì phần đất có con mương chảy qua chưa cấp cho hộ gia đình cá nhân nào, đất vẫn thuộc UBND xã T quản lý, diện tích đất ruộng của các hộ gia đình sử dụng nước từ con mương này thuộc địa giới hành chính bản L, xã S, thành phố L. Nay xảy ra tranh chấp UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo nước tưới cho bà con nhân dân đang canh tác trong khu vực.

Biên bản xác minh và các lần hòa giải, đại diện theo ủy quyền của UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu ông Giàng A S - Phó chủ tịch trình bày: Con mương dẫn nước đang có tranh chấp bắt nguồn từ bản L về bản P, tưới nước cho ruộng của các hộ dân tại khu vực bản L, xã S, thành phố L có chiều dài từ đầu nguồn là 1.175 mét, theo sơ đồ địa chính thì đất chưa sử dụng, chưa được cấp cho hộ gia đình nào mà vẫn thuộc quyền quản lý của UBND xã T, cuối con mương là phần địa giới hành chính xã S. Nay ông Hảng Tả P, anh Hảng A S không cho các gộ dân trong khu vực sử dụng nước UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng:

Ông Chang A C khai: Ông từng giữ chức vụ Phó trưởng công an xã T, huyện T. Con mương hiện đang có tranh chấp là do cụ Hảng A C là bố đẻ ông Hảng Tả P và cụ Hảng A S khai phá và sử dụng, đến năm 1961 thì con mương do HTX P quản lý, năm

1973 HTX giải thể thì ông Hảng Tả P, bà Hảng Thị V (con đẻ của cụ Hảng A S) và một số hộ dân xung quanh sử dụng để đưa nước vào ruộng, nhân dân trong bản P đã có lần báo lên xã là con mương này bị sạt lở cần UBND xã hỗ trợ, ông đã được UBND xã T cấp 08 kg mìn mang đến cùng nhân dân trong bản nổ nìn, đào đất để khơi lại mương, làm trong khoảng thời gian 03 đến 04 ngày thì xong. Những lần mương bị sạt về sau thì bà con trong bản cùng nhau đi nạo vét, khơi lại mương.

Ông Giàng A V khai: Ông có ruộng gần khu vực mương nước đang có tranh chấp, không sử dụng nước từ con mương này, đã nhiều lần ông có gặp anh Hảng A S, anh Giàng A T và một số người dân trong bản đi nạo vét, khơi lại mương mỗi khi trời mưa mương nước bị tắc. Từ trước đến nay bà con trong khu vực này vẫn sử dụng con mương này để lấy nước tới ruộng mà không có tranh chấp.

Ông Giàng A D khai: Ông là cán bộ giao thông thủy lợi xã T từ năm 1977 đến năm 2000 thì nghỉ chế độ, ông không biết rõ ai là người khai phá ra con mương đang có tranh chấp giữa anh S và ông P, anh S. Từ khi công tác tại xã thì con mương này vẫn được bà con nhân dân bản P sử dụng lấy nước vào ruộng cấy lúa mà không có tranh chấp, hàng năm vẫn xảy ra tình trạng sạt lở con mương nhưng các hộ dân trong khu vực vẫn tự nạo vét, khơi mương. Trưởng bản và nhân dân bản P có đề nghị UBND xã T đầu tư, cải tạo con mương nhưng cấp trên không có kinh phí hỗ trợ, năm 1997 ông là người trực tiếp cấp cho ông Chang A C 08 kg mìn để bà con trong bản sử dụng trong việc khơi thông lại con mương bị sạt lở.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/6/2018 thể hiện: Con mương dẫn nước đang có tranh chấp chảy từ đầu nguồn bản L, qua bản P1, về bản P, xã T có chiều dài 1.175 mét, chiều rộng bình quân 65 cm, chiều sâu bình quân 50 cm, quy đổi khối lượng là 382 $m^3$. Trong khu vực được con mương cấp nước là ruộng cấy của 21 hộ dân. Bị đơn Hảng A S và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hảng Tả P không ký vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Tòa án đã cùng với các đương sự khác lập biên bản về việc đương sự là bị đơn không ký vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ. Chi phí thẩm định tại chỗ lần 1 số tiền là 700.000 đồng, lần 2 số tiền là 400.000 đồng tổng cộng thu của Hảng A S là 1.200.000 đồng. Chi phí hết 1.100.000 đồng còn trả lại cho Hảng A S số tiền 100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản ngày 15/6/2018 của Hội đồng định giá huyện T kết luận: Số lượng của mương nước 382 $m^3$ x 82.500 đồng/$m^3$ có giá là 31.515.000 đồng. Bị đơn Hảng A S và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hảng Tả P không ký vào biên bản định giá tài sản, Tòa án đã cùng với các đương sự khác lập biên bản về việc đương sự là bị đơn không ký vào Biên bản định giá tài sản. Những lần hòa giải tiếp theo đều không chấp nhận kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá. Tổng chi phí định giá tài sản hết 550.000 đồng, Tòa án tạm thu của Hảng A S só tiền 800.000đồng, Tòa án đã chi phí tố tụng số tiền 550.000 đồng, Tòa án đã trả lại tiền chi phí tố tụng cho nguyên đơn Hảng A S số tiền 150.000 đồng.

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/8/2018 các bị đơn vắng mặt mà không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã cùng với các đương sự khác lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn.

Ngày 28/9/2018 Tòa án nhân dân huyện T đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử đối với vụ án, tuy nhiên các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, sau khi thảo luận HĐXX sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 227/Bộ luật tố tụng dân sự để quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 16/10/2018, tuy nhiên tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Giàng A T, Vàng Thị M vắng mặt không có lý do, sau khi thảo luận HĐXX quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 23/11/2018.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 23/11/2018, anh Giàng A D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, sau khi thảo luận HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/12/2018, nguyên đơn Hảng A S có đơn yêu cầu HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ về diện tích cụ thể của từng hộ gia đình đang sử dụng đất tại khu vực đang sử dụng mương nước đang có tranh chấp, sau khi thảo luận, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 70, Điều 71, không trái với quy định tại Điều 259/Bộ luật tố tụng dân sự đã quyết định tạm ngừng phiên tòa đến ngày 18/01/2019 để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn. Đến ngày 18/01/2019 thời hạn tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm đã hết nhưng chưa khắc phục được lý do tạm ngừng phiên tòa do chưa có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ nên Tòa án đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 20/02/2019 Chi nhánh văn phòng đất đai huyện T cung cấp kết quả xem xét thẩm định tại chỗ về diện tích đất ruộng cụ thể của các hộ gia đình cụ thể như sau: Anh Hảng A S là 3969,2 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 13 mang tên Hảng A S; Ông Hảng Tả P là 5497,3 $m^2$, tại tờ bản đồ số 13 mang tên Hảng Tả P; Hảng A S là 4615,7 $m^2$, tờ bản đố số 13 mang tên bà Hảng Thị Va; Giàng A D là 1368,2 $m^2$, mang tên anh Giàng A D. Giàng A N 3326,6 $m^2$, tại tờ bản đố số 13, mang tên Giàng A L; Hảng A S là 1584,7 $m^2$, chưa được cấp GCNQSD đất; Giàng A T là 983,2 $m^2$, chưa được cấp GCNQSD đất; Hảng Páo C là 823,2 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 13, mang tên Hảng A S; Vàng Thị M là 3269,2 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng Tủa L và bà Sùng Thị T và 1597,2 $m^2$ tại tờ bản đố số 13, mang tên Giàng A S chưa được cấp GCNQSD đất; Giàng A Vlà 1.519 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A P; Giàng A D là 8.884,6 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A D; Hảng A S là 595,5 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Hảng A Súa; Giàng A Tàng là 5.959,2 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A S và Lý Thị L; Giàng A T là 4605,0 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, chưa được cấp GCNQSD đất; Giàng A D là 2151,7 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A D và Thào Thị X; Giàng A D là 1142,2 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A D và 884,6 $m^2$ chưa được cấp GCNQSD đất; Giàng Thị P là 2895,3 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Giàng A D và Thào Thị X; Lù Văn T là 2788,4 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Lù Văn C; Lò Văn Clà 1454,9 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Lò Văn C; Lù Văn T là 1607,8 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Lù Văn T; Thào Văn H là 4530,0 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Thào Văn S; Lương Văn M là 4329,7 $m^2$ tại tờ bản đồ địa chính số 7, mang tên Lương Văn M.

Như vậy ngoài diện tích 5497,3 $m^2$ đất ruộng của bị đơn Hảng Tả Páo thì trong khu vực đang sử dụng nguồn nước từ con mương đang tranh chấp có tổng cộng 50.750 $m^2$ đất ruộng của 21 hộ gia đình của 02 xã T, huyện T và S, thành phố Lai Châu.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, các bị đơn vắng mặt mà không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ.

Căn cứ vào kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, đến ngày 20/02/2019 Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 01/3/2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hảng Tả P là Hảng Pàn G có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn và những người đang sử dụng mương nước phải bồi thường cho nguyên đơn Hảng Tả P số tiền 250.000.000 đồng. Căn cứ vào đơn yêu cầu phản tố của bị đơn Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phản tố đối và tống đạt hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên hết thời hạn nộp tiền ấn định trong Thông báo nộp tiền tạm ứng phản tố nhưng bị đơn vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí phản tố.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã kiên trì lần hòa nhưng không thành, nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải dừng ngay việc chặn mương nước, để các hộ gia đình đang sử dụng nước từ con mương có nước để tưới cho ruộng. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời có đơn phản tố, yêu cầu nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền 250.000.000 đồng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do và không thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự có giá ngạch nên Tòa án không có căn cứ thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn không được tiếp tục có hành vi chặn con mương, để đảm bảo quyền có nước tưới đối với toàn bộ diện tích đất ruộng có trong khu vực. Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện bồi thường công sức tu tạo, nạo vét mương cho bị đơn trên tổng giá trị khối lượng đào đắp định giá được, tự nguyện chịu các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến giai đoạn vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cũng như các văn bản pháp lý liên quan.

Xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Hảng A S sinh năm 1984 về yêu cầu giải quyết tranh chấp sử dụng mương nước. Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự Tranh chấp quyền sử dụng mương nước để thụ lý giải quyết là có căn cứ theo quy định tại khoản 8 Điều 26 BLTTDS từ đó xác định đúng tư cách tham gia tố tụng đối với các đương sự trong vụ án này. Toà án đã thụ lý đúng theo thẩm quyền điều 35, 39 BLTTDS.

Nguyên đơn Hảng A S đã xuất trình tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lời khai, biên bản làm việc.

Bị đơn đã xuất trình các tài liệu gồm: Bản sao sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lời khai, biên bản làm việc.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã cung cấp các lời khai, các chứng cứ về tài sản của mình về thẩm quyền và về nguồn gốc và quá trình sử dụng mương nước.

+ Xác định vị trí mương nước tại bản P là mương đất dài khoảng 1,6 km, đầu nguồn thuộc bản L chạy dọc theo triền đồi qua các bản L, P, P1 xã T và bản L, xã S, thành phố L. Là tài sản chung do chính quyền xã T, huyện T và xã S thành phố L quản lý.

+ Nguồn gốc có từ năm 1961 cụ Hảng A C là bố đẻ bị đơn Hảng Tả P và cụ Hảng A S (bố đẻ người có quyền lợi nghiã vụ liên quan Hảng Thị V) đào và dẫn dòng về khu ruộng nhà mình sau một thời gia sử dụng có thêm một số hộ có diện tích đất ruộng gần ruộng nhà ông P cùng sử dụng. Đến năm 1973 bản P đề nghị xã cho mở rộng mương nước từ đó đến nay hàng năm gia đình ông Páo và một số hộ dân đều tham gia khơi thông mương nước để lấy nước phục vụ tưới tiêu của diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Páo, nguyên đơn và 18 hộ có ruộng trong cùng khu vực. Khối lượng đào đắp đến thời điểm hiện tại có khối lượng là 382 $m^3$. Tính công đào đắp trị giá 82.500 đồng/$m^3$ x 382$m^3$ =31.515.000 đồng. Nhưng đến năm 2017 ông Hảng Tả P cùng con trai ngăn mương và đòi các hộ có ruộng lấy nước từ con mương số tiền 250 triệu đồng do đó nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý, (riêng hộ ông Lương Văn M không yêu cầu vì trước đã trả cho bị đơn 1.000.000 đồng tiền mua nước tước đó)

Công sức tham gia đào đắp: Công chính khai phá là của bố ông Hảng Tả P và có sự góp công của các hộ có cùng được sử dụng mương nước tham gia cùng gia đình ông P khai mương hàng năm. Do đó xác định công sức của bị đơn là lớn nhất.

Những người được hưởng lợi và ảnh hưởng từ nguồn nước chảy qua mương: Gia đình ông Hảng Tả P, nguyên đơn Hảng A S và 18 hộ có ruộng trong khu vực: Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhiều lần được thoả thuận mức trả công khai phá, khai thông mương nước với gia đình bị đơn nhưng không thống nhất thoả thuận được.

+ Xác định quyền yêu cầu: Nguyên đơn và 18 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị đơn khai thông mương nước là có căn cứ do đây là nguồn nước duy nhất chảy phục vụ tưới tiêu tại khu vực và cũng có công khai thông, nạo vét hàng năm đồng thời đã sử dụng mương nước trong nhiều năm qua mà không có tranh chấp. Bị đơn yêu cầu các hộ sử dụng nước phải trả tiền khai phá, đào đắp là có căn cứ vì gia đình khởi đầu khai phá và có công nạo vét hàng năm (có công sức lớn nhất) đồng thời cũng được hưởng lợi từ mương nước do nguồn nước cũng phục vụ tưới tiêu phần ruộng của gia đình mình. Tuy nhiên Bị đơn mặc dù có yêu cầu các bên còn lại trả công khai phá nhưng không tạm ứng án phí.

- Tại phiên toà nguyên đơn và 18 người có quyền lợi và nghiã vụ liên quan đã tự thoả thuận trả công khai phá cho bị đơn số tiền 18.650.000 đồng. Nguyên đơn Hảng A S tự nguyện trả tiền chi phí thẩm định là 1.650.000 đồng. Đây là sự tự nguyện không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội cần ghi nhận và số tiền trên cũng tương xứng với công sức của gia đình bị đơn lớn trên 50% giá trị đào đắp mương.

Từ những phân tích trên, đại diện VKSND huyện T áp dụng Điều 171 Luật đất đai, các Điều 253, 274, 275, 276, 280, 289, 357/Bộ luật Dân sự 2015, Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 165, 266, 271, 273/ Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị nhận đơn khởi kiện của anh Hảng A S buộc bị đơn phải thực hiện khai thông nguồn nước để nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được khai thác và sử dụng nguồn nước từ mương nước tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn và các hộ có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền khai thác chung mương và nguồn nước, thực hiện hàng năm cùng có nghĩa vụ nạo vét khai thông mương nước.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Không xem xét đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ngày 01/3/2019 vì không thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí.

Về án phí: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp nghĩa vụ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án đề nghị HĐ giải quyết xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng mương nước trong canh tác, bị đơn là ông Hảng Tả P, anh Hảng A S cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, đối tượng tranh chấp là con mương nằm trên địa giới hành chính xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39/Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Đối với lịch sử hình thành con mương, quá trình sử dụng và quan điểm của các bên tranh chấp:

Nguyên đơn và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thừa nhận con mương nói trên (có chiều dài đo đạc được là 1.175 mét) là do cụ Hảng A (bố đẻ của bị đơn Hảng Tả P) và cụ Hảng A S (bố đẻ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hảng Thị V) khai phá từ trước năm 1961, lời khai của người làm chứng Chang A C cũng thừa nhận cụ Hảng A C và cụ Hảng A S là những người có công đầu tiên trong việc khai phá, khơi thông dòng chảy của con mương từ bản L về bản P để tưới nước cho ruộng của hai cụ. Năm 1961 Hợp tác xã P thành lập, cùng với đó là việc tập hợp diện tích đất ruộng của các hộ gia đình trong khu vực để tập thể hóa hoạt động sản xuất nông nghiệp, con mương trên được HTX trưng dụng để làm nguồn cung cấp nước tưới cho toàn bộ số ruộng của HTX, đến năm 1973 HTX giải thể, ruộng đất lại cho các hộ gia đình cá nhân. Các hộ gia đình có đất trong khu vực tưới của con mương có người còn sử dụng đất, có người đã chuyển

nhượng cho con, người thân sử dụng đất ruộng nhưng vẫn sử dụng nước từ con mương này để làm nước tưới cho diện tích ruộng đang canh tác.

Quá trình lấy nước từ con mương, qua nhiều năm do mưa nhiều nên hàng năm con mương thường bị tắc do đất đá sạt lở, chính quyền xã T cũng đã phối hợp, hỗ trợ cùng bà con nhân dân trong bản Phìn P nạo vét khơi thong. Một số hộ dân đã có ý thức cùng với bị đơn Hảng Tả P trong việc nạo vét, khơi thông dòng chảy cho con mương.

Đến tháng 3 năm 2017 bị đơn Hảng Tả P cùng con trai là bị đơn Hảng A S đã tự ý chặn con mương nói trên, không cấp nước cho tổng diện tích 50.750 ruộng cấy của 21 hộ gia đình có đất ruộng trong khu vực với quan điểm cho rằng con mương là do ông cha khai phá, theo phong tục tập quán người dân tộc Mông thì ai khai phá mương thì người đó có toàn quyền quyền sử dụng, thích cho ai sử dụng thì cho. Quan điểm này là không có căn cứ bởi diện tích đất có con mương chảy qua đang là đất thuộc UBND xã T quản lý, chưa cấp cho cá nhân nào, bên cạnh đó Điều 253/Bộ luật dân sự quy định quyền về tưới nước, tiêu nước trong canh tác có quy định *"Người có quyền sử dụng đất canh tác khi có nhu cầu về tưới nước, tiêu nước, có quyền yêu cầu những người sử dụng đất xung quanh để cho mình một lối dẫn nước thích hợp, thuận tiện cho việc tưới, tiêu; người được yêu cầu có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu đó; nếu người sử dụng lối dẫn nước gây thiệt hại cho người sử dụng đất xung quanh thì phải bồi thường"*.

Như vậy HĐXX có căn cứ khẳng định con mương dẫn nước đang có tranh chấp không thuộc quyền sử dụng riêng của bị đơn Hảng Tả P, Hảng A S, quyền được sử dụng nước trong canh tác được pháp luật quy định, bị đơn không có quyền cản trở nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong việc lấy nước tưới cho toàn bộ số ruộng trong khu vực. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Qua các lần hòa giải do Tòa án tiến hành, nguyên đơn Hảng Tả P, Hảng A S yêu cầu các hộ có nhu cầu sử dụng nước trong khu vực phải chi trả số tiền 600.000.000 đồng, đơn yêu cầu phản tố ngày 01/3/2019, bị đơn yêu cầu nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải bồi thường số tiền 250.000.000 đồng mới cho sử dụng nước từ con mương. Sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu phản tố, Tòa án đã thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí, bị đơn đã không nộp tiền do vậy căn cứ vào Điều 146/ Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không có căn cứ thụ lý, xem xét yêu cầu của bị đơn.

[3]. Về công sức tu tạo, nạo vét con mương và việc xem xét công sức của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ thu thập được đã chứng minh bị đơn Hảng Tả P, Hảng A S không phải là người có công trong việc khởi tạo con mương đang có tranh chấp, con mương nói trên là do bố đẻ của ông P và cụ Hảng A S là bố đẻ của bà Hảng Thị V khởi tạo, qua thời gian đã được HTX P sử dụng trong việc tới nước cho diện tích ruộng của HTX, sau khi HTX giải thể, trả lại đất ruộng cho các hộ gia đình trong khu vực, con mương đã được sử dụng làm nước tưới cho toàn bộ diện tích đất ruộng của các hộ gia đình. Hàng năm con mương bị sạt lở do mưa bị đơn Hảng Tả P là người tích ực nhất trong việc nạo vét, khơi thông

con mương để đảm bảo tưới nước cho ruộng của gia đình mình và ruộng của các hộ gia đình khác. Bên cạnh đó tuy ông P không có công khởi tạo con mương nhưng bố ông là cụ Hảng A C đã có công đầu trong việc hình thành nên con mương này, mặt khác mặc dù quan điểm của bị đơn về việc theo phong tục tập quán của đồng bào dân tộc Mông thì ai khai phá ra đất, tài sản trên đất thì được toàn quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là không phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng để đảm bảo ghi nhận công sức của cụ Hảng A C trong việc khởi tạo con mương, nay cụ C đã chết con trai cụ là ông Hảng Tả P được thừa hưởng công sức do cha ông để lại, đảm bảo sự hài hòa giữa phong tục tập quán của địa phương và quy định của pháp luật nên cần thiết phải đảm bảo quyền lợi cho bị đơn Hảng Tả P trong việc giải quyết vụ án. Giá trị khối lượng đào đắp thủ công của con mương là 31.515.000 đồng, mặc dù không có căn cứ chứng minh bị đơn Hảng Tả P có bao nhiêu công sức trong tổng số tiền giá trị đào đắp của con mương, bị đơn cũng không chấp nhận kết quả định giá đối với con mương nhưng cần phải tính cho ông P một phần quyền lợi trên số tiền này. Tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tự nguyện chi trả tiền công sức tu tạo con mương của bị đơn Hảng Tả P tổng cộng được số tiền 18.650.000 đồng, xét thấy sự tự nguyện chi trả này là phù hợp nên HĐXX cần ghi nhận. Việc chi trả số tiền 18.650.000 đồng cho bị đơn sẽ căn cứ vào diện tích ruộng cụ thể của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để tự phân chia số tiền cần chi trả.

Đối với diện tích 4329,7 $m^2$ ruộng cấy của ông Lương Văn M do đã chi trả cho bị đơn Hảng Tả P số tiền 1.000.000 đồng trước đó, diện tích 4615,7 $m^2$ ruộng cấy mang tên Hảng Thị V, anh Hảng A S (con rể bà V) đang sử dụng, do cụ Hảng A S là bố đẻ của bà V đã có công khai khởi tạo con mương, nay nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại nhất trí ông M, anh S không cần chi trả thêm nên chỉ còn lại 17 hộ phải chi trả.

[4]. Về chi phí tố tụng (Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tổng số tiền 1.650.000 đồng): Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án nhân dân huyện đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, tiến hành đo đạc đối với toàn bộ diện tích ruộng cấy có trong khu vực sử dụng nước từ con mương của từng hộ gia đình, theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhất thì bị đơn phải chịu chi phí tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng đã nộp nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật thì bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên bị đơn Hảng Tả P là người già, bị đơn Hảng A S là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí; Bị đơn đối với số tiền nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chi trả công sức cho bị đơn, do đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên không phải chịu án phí.

[6]. Về kiến nghị: Quá trình giải quyết vụ án, qua nhiều lần xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án nhân dân huyện T nhận thấy con mương đang có tranh chấp có chiều

dài 1.175 mét bắt nguồn từ bản L về bản P, xã T, huyện T là một con mương dài, chảy quanh sườn núi có độ dốc tương đối lớn, kết cấu đất không chắc chắn, tiềm ẩn nguy cơ sạt lở, đặc biệt là vào mùa mưa lũ. Diện tích ruộng cấy trong khu vực cần nước từ con mương là tương đối lớn, thu nhập của bà con nhân dân trong khu vực bản P, xã T và bản L, xã S phụ thuộc hoàn toàn vào việc trồng lúa. Việc không có nước tưới cho cây lúa dẫn đến một diện tích đất rất lớn bị bỏ hoang, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân trong khu vực.

Để góp phần đảm bảo đời sống của nhiều hộ dân trong khu vực này, nay HĐXX Tòa án nhân dân huyện T kiến nghị UBND huyện T có biện pháp kiên cố hóa con mương nói trên, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con có nước sản xuất, canh tác và hạn chế tình trạng tranh chấp phát sinh.

***Vì các lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 253, Điều 274, Điều 275, Điều 276, Điều 280, Điều 288, Điều 357/Bộ luật dân sự; Khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273/ Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 171 của Luật đất đai. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Buộc bị đơn Hảng Tả P, Hảng A S không được có hành vi cản trở quyền sử dụng nước từ con mương có chiều dài 1.175 mét từ bản L, về bản P, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, tưới nước cho diện tích ruộng cấy của các hộ gia đình đang sử dụng đất thực tế bao gồm Hảng A S, Hảng Páo C, Giàng A T, Giàng A D, Giàng A T, Giàng Thị P, Giàng A T, Giàng A V, Giàng A N, Vàng Thị M, Hảng A S, Giàng A D, Giàng A D, Thào Văn S, Lương Văn M, Lù Văn T, Lù Văn T, Lò Văn C và Hảng A S.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc chi trả số tiền công sức cho bị đơn Hảng Tả P cụ thể: Anh Hảng A S 1.600.000 đồng đồng; anh Hảng Páo C 500.000 đồng, anh Giàng A T 550.000 đồng, ông Giàng A D 1.000.000 đồng, anh Giàng A T 1.700.000 đồng, Giàng Thị P 1.000.000 đồng, Giàng A T 1.600.000 đồng, Giàng A V 500.000 đồng, Giàng A N 1.200.000 đồng, Vàng Thị M 1.600.000 đồng, Hảng A S 500.000 đồng, Giàng A D 950.000 đồng, Giàng A D 2.000.000 đồng, Thào Văn S 1.000.000 đồng, Lù Văn T 1.000.000, Lù Văn T 1.000.000 đồng, Lò Văn C 950.000 đồng. Tổng cộng 18.650.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không chi trả đủ số tiền đã tự nguyện chi trả, thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm phải thi hành tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 468/Bộ luật dân sự.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9, Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Hảng A S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng tổng số tiền là 1.650.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị đơn, trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003059, ngày 28/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Toà án Tỉnh.
- VKS T.
- Các đương sự.
- Thi hành án DS.
- Người TGTT.
- UBND huyện T (phối hợp)
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Đoàn Trung Phước**